**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN K**
**TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-ST
Ngày: 21-8-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Tính

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hồng Tư

Ông Đào Văn Vĩnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 41/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXX-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **A**, sinh năm 1949. Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông A là*: Anh **B**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018. (Có mặt)

- *Đồng bị đơn:* Ông **C**, sinh năm 1964 và bà **D**, sinh năm 1967. Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã O, huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của đồng bị đơn bà D là:* Ông **C**, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp Q, xã O, huyện K, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2018. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ngân hàng E.** Trụ sở chính: Số 18, O1, xã O2, huyện O3, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp theo pháp luật*: Ông G; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông **H**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm 7, Phường 5, thành phố O4, tỉnh Bạc Liêu. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện K, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

2. Bà **I**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp O5, xã O6, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà I là*: Anh **B**, sinh năm 1985. Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018. (Có mặt)

3. **Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu**. *Người đại diện hợp pháp theo pháp luật:* Ông **K1** – Chủ tịch.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền:* Ông **K2**, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền số 07/GUQ ngày 21/3/2019. (Có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn ông A trình bày*: Năm 1994, ông và bà A1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C và bà D 02 lần là 03 công 02 góc 03 tầm cấy đất trồng lúa (lần thứ nhất chuyển nhượng 03 công tầm cấy, lần thứ hai chuyển nhượng thêm 02 góc 03 công tầm cấy), với giá 7.500.000 đồng, khi chuyển nhượng đất ông A có viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 19 tháng 3 năm 1994 giao cho ông C giữ, chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông C, bà D, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nhiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện K (cũ) từ ngày 11/12/2000 đến ngày 11/4/2017 ông A mới trả nợ xong cho Ngân hàng nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông A phát hiện ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hơn 04 công tầm cấy (diện tích 5.290m$^2$) tại thửa 21 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp N, xã M, huyện K, tỉnh Bạc Liêu. Ông A yêu cầu ông C, bà D thanh toán giá trị phần đất đã canh tác dư là 01 góc 03 tầm cấy (khoảng 432m$^2$) với số tiền 15.000.000 đồng và tiền sử dụng phần diện tích đất dư (01 góc 03 tầm cấy) từ năm 1996 đến năm 2017 là 22 năm x 600.000 đồng/năm = 13.200.000 đồng.

Nay ông A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C và bà D đối với số tiền 13.200.000 đồng tiền hoa lợi mà ông C, bà D canh tác phần đất dư 01 góc 03 từ năm 1996 đến năm 2017. Ngoài ra, ông A không yêu cầu gì thêm.

- *Đồng bị đơn ông C, và là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn bà D, trình bày*: Ông thống nhất với lời trình bày của ông A là nguồn gốc đất tranh chấp của ông C và bà D nhận chuyển nhượng của ông A, bà A1 02 lần diện tích 04 công tầm cấy (lần thứ nhất, ngày 19/3/1994 nhận chuyển nhượng 03 công 02 góc 03 tầm cấy, với giá 7.500.000 đồng, ông A có viết giấy tay chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông; lần thứ hai khoảng năm 1995, ông A chuyển nhượng thêm cho ông thêm 01 góc 03 tầm với giá 600.000 đồng, nhưng ông A không có viết giấy chuyển nhượng đất, mà ông C tự viết và nhờ ông C1 (có nhà ngang cửa ông C ký tên chứng kiến). Phần đất nhận chuyển nhượng của ông A, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2015, diện tích 5.290m$^2$ tại thửa 21 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông A đòi ông C và bà D thanh toán giá trị phần đất canh tác dư là 01 góc 03 tầm cấy thì ông không đồng ý, ông C chỉ đồng ý trả giá trị phần đất được cấp giấy dư hơn 04 công tầm cấy là 67m$^2$ x 37.000 đồng/m$^2$ = 2.479.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện K, trình bày:* Ngày 07/5/2018, ông C và bà D ký 02 hợp đồng tín dụng số 7206LAV201801201 vay 60.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 12 tháng và 7206LAV201801202 vay 120.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 02 năm. Để đảm bảo cho 02 khoản vay nêu trên, ông C và bà D thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 21 diện tích 5.290m$^2$ và thửa 31 tờ bản đồ số 3 diện tích 7.598,2m$^2$ đất tọa lạc ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu. Ngày 06/5/2019, ông C, bà D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất của 02 hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 17/5/2019, ông C, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng. Nay giữa ông A và ông C, bà D phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất, nhưng tài sản thế chấp của ông C, bà D vẫn đủ để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng và ông C, bà D vẫn thanh toán tiền lãi hàng tháng đầy đủ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng vẫn duy trì hợp đồng tín dụng, không yêu cầu ông C, bà D thanh toán nợ trước thời hạn.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu, ông K1 trình bày:* Phần đất tranh chấp giữa ông A với ông C có diện tích 5.251m$^2$ thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 02 (thành lập năm 1997), không phải thửa 21 tờ bản đồ số 03 như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bô thể hiện. Thửa 21 tờ bản đồ số 02 đã được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C ngày 27/7/2015 diện tích 5.290m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước theo thủ tục đăng ký lần đầu. Trình tự, thủ tục cấp giấy là đúng quy định của pháp luật. Ông A khởi kiện ông C yêu cầu thanh toán giá trị đất do ông C sử dụng nhiều hơn diện tích nhận chuyển nhượng của ông Chính nên Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu không có ý kiến gì đối với tranh chấp của ông A với ông C

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông C, bà D, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đòi ông C, bà D thanh toán 13.200.000 đồng tiền hoa lợi do ông C, bà D thanh toán dư diện tích đất từ năm 1996 đến năm 2017. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông C và bà D, ghi nhận sự tự nguyện của ông A, buộc ông C bà Dthanh toán giá trị diện tích đất nhận chuyển nhượng dư là 01 góc 03 tầm cấy (diện tích 432m$^2$), với số tiền 15.000.000 đồng. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm, ông C, bà D phải nộp theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông A khởi kiện ông C và bà D yêu cầu trả thêm giá trị đất mà ông Chính đã chuyển nhượng dư cho ông Bô, bà Thơm diện tích 01 góc 03 tầm cấy (tương đương 432m$^2$), ông C và bà D cư trú và đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu ông K2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Bá Triệu.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 phần đất ông A chuyển nhượng cho ông C và bà D có diện tích 5.251m$^2$, đất tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất anh H1 có số đo 30,8m;

- Hướng Tây giáp với đất bà H2 có số đo 30,5m;

- Hướng Nam giáp đất ông H1 có số đo 148,4m, giáp đất ông H3 có số đo 25,1m;

- Hướng Bắc giáp đất bà H4 có số đo 170,3m.

Hiện trạng là đất đang trồng lúa do ông C và bà D canh tác trồng lúa Đài Thơm 8.

[3] Theo xác định của cơ quan chuyên môn Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 21 tờ bản đồ số 02, được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C ngày 27/7/2015, diện tích 5.290m$^2$ đất chuyên trồng lúa nước theo thủ tục đăng ký lần đầu. Trình tự, thủ tục cấp giấy là đúng quy định của pháp luật. Đối chiếu với bản đồ qua các thời kì, thửa đất số 21, tờ bản đồ số 02 chính là một phần thửa đất số 42 tờ bản đồ số 04 mà ông Chính được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994.

[4] Về nguồn gốc: Ông C thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của ông C nhận chuyển nhượng của ông A vào năm 1994. Như vậy, có căn cứ xác định việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A, bà A1 với ông C và bà D vào năm 1994 là có diễn ra trên thực tế, được các bên đương sự thừa nhận, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ông C xác định ông A, bà A1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho C và bà D 02 lần diện tích 04 công tầm cấy đất trồng lúa, lần thứ nhất nhận chuyển nhượng 03 công 02 góc 03 tầm cấy, lần thứ hai nhận chuyển nhượng thêm 01 góc 03 tầm cấy là hết diện tích đất của ông A. Tuy nhiên, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông A, bà A1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà D diện tích 01 góc 03 tầm cấy như ông A trình bày. Ông A cung cấp cho Tòa án tờ "Đơn sang đất" không đề ngày tháng năm (bút lục 64) do ông C tự viết, nhờ ông C1 (gần nhà ông C) ký chứng kiến, nhưng không có chữ ký của ông A và ông A không thừa nhận có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu

trên cho ông C, bà D. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông C, mà có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đòi ông C, bà D trả giá trị diện tích đất đã nhận chuyển nhượng nhiều hơn 03 công 02 góc 03 tầm cấy mà ông Bô đã nhận chuyển nhượng của ông A, bà A1 vào ngày 19/3/1994.

[6] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C được cấp ngày 27/7/2015 tại thửa đất số 21 tờ bản đồ số 03 (thực tế là thửa 21 tờ bản đồ số 2) có diện tích là 5.290m$^2$, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5.251m$^2$. Như vậy, diện tích đất mà ông C, bà D đang quản lý, sử dụng nhiều hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông A vào năm 1994 là 499m$^2$. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2019 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp nguyên đơn anh B chỉ yêu cầu ông C, bà D thanh toán thêm giá trị diện tích đất mà ông C và bà D đã sử dụng nhiều hơn diện tích đất mà ông A đã chuyển nhượng vào năm 1994 là 01 góc 03 tầm cấy (tương đương diện tích 432m$^2$) với số tiền là 15.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông A và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông C và bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông A, bà A1 số tiền 15.000.000 đồng.

[7] Tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2019 và tại phiên tòa, ông A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi ông C và bà D thanh toán tiền sử dụng đất nhiều hơn so với diện tích đất mà ông A đã chuyển nhượng cho ông C và bà D từ năm 1996 đến năm 2017, với số tiền 13.200.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông C và bà D đòi thanh toán số tiền 13.200.000 đồng.

[8] Ông C xác định sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông A, do đất bị trũng thấp khó canh tác, năng suất lúa không cao nên ông Bô đã thuê xe ủi đất từ bờ xáng vào để cải tạo đất lên cao khoảng 0,3m với số tiền khoảng 24.000.000 đồng, ông C yêu cầu xem xét đến giá trị công bồi đắp đất của ông để đối trừ với số tiền phải thanh toán cho ông A. Xét thấy, ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất, mục đích ông C cải tạo đất nhằm nâng cao năng suất lúa, để hưởng lợi tức nhiều hơn trên diện tích đất canh tác và chỉ buộc ông C trả giá trị diện tích đất tranh chấp cho ông A nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông C.

[9] Xét thấy, tại phiên tòa, ông H là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam xác định ông C, bà D chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/8/2019 là 1.644.943 đồng. Tuy nhiên, do khoản nợ vay của ông C và bà D còn trong hạn, hàng tháng ông C và bà D đóng lãi đều đặn và diện tích đất tranh chấp không lớn, tài sản thế chấp vẫn đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đồng ý duy trì hợp đồng tín dụng với ông C và bà D mà không yêu cầu thanh toán nợ trước hạn. Nếu ông C và bà D không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp ông C và bà D không thanh

toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 300.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông A được Tòa án chấp nhận nên ông C và bà D phải chịu toàn bộ số tiền trên. Ông A đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, đã chi phí hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên cần buộc ông C và bà D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông A số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông A được Tòa án chấp nhận nên ơng C và bà D phải nộp 300.000 đồng; ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông A là thương binh loại A, thương tật hạng 2/4 (61%) và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên ông A được Tòa án cho miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713 Bộ luật Dân sự năm 1995 (tương ứng với các điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015); các điều 100, 203 Luật Đất đai; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông ông C và bà D. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông C và bà D về việc yêu cầu thanh toán số tiền 13.200.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông ông C và bà D. Buộc ông C và bà D có nghĩa vụ thanh toán cho ông A và bà A1 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi phí tố tụng: Buộc ông C và bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Do ông A đã tạm ứng nên buộc ông C và bà D hoàn trả lại cho ông A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về án phí: Buộc ơng C và bà D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mươi lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
***ĐÃ KÝ***

**Nguyễn Hoàng Tính**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.